

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/DS-ST

Ngày 08-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thành.

2. Ông Lư Thành Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Bảo Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST-DS ngày 13/7/2020 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KL.

Địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện hợp pháp:

1/ Ông Trang Văn T (Vắng mặt).

Chức vụ: Nhân viên Xử lý nợ - Chi nhánh Cần Thơ.

Địa chỉ: Đại lộ H, phường A, quận N, thành phố C.

(Theo Giấy ủy quyền 16/5/2020).

2/ Ông Lê Hồng Q (Có mặt).

Chức vụ: Nhân viên Xử lý nợ - Chi nhánh Cần Thơ.

Địa chỉ: Đại lộ H, phường A, quận N, thành phố C\.

(Theo Giấy ủy quyền 16/9/2021).

Bị đơn: Ông Lâm Ngọc Th (Vắng mặt) và Bà Lê Thị Bích T (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Khu vực 1, phường H, quận C, thành phố C.

Chỗ ở: Hẻm 3, Tổ 8, Khu vực 1, phường H, quận C, thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP KL (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Qua thỏa thuận ông Lâm Ngọc Th và bà Lê Thị Bích T ký kết với Ngân hàng các Hợp đồng vay vốn (hình thức góp ngày) sau:

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A490426/HĐTD-CC ngày 24/04/2018 (gọi tắt là hợp đồng ngày 24/4/2018) vay 60.000.000 đồng, mục đích vay mua bán nhỏ, thời hạn vay 180 ngày kể từ ngày ký nhận nợ, lãi suất 1,245%/tháng, lãi quá hạn 1,867%/tháng.

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A568197/HĐTC-CC ngày 27/07/2018 (gọi tắt là hợp đồng ngày 27/7/2018) vay 70.000.000 đồng, mục đích vay mua bán nhỏ, thời hạn vay 180 ngày kể từ ngày ký nhận nợ, lãi suất 1,245%/tháng, lãi quá hạn 1,867%/tháng.

Để đảm bảo khoản vay, ông Th và bà T cầm cố xe gắn máy biển số 65B2-042.11, Nhãn hiệu: YAMAHA, Số khung: C810HY043282, Số máy: E3X8E043286 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 069469 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công Th, bà T Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/11/2017 và xe gắn máy mang biển số 65B2-091.55, Nhãn hiệu: HONDA, Số khung: 2605GY318050, Số máy: KC26E1164332 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 078766 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công Th, bà T Thành phố Cần Thơ cấp ngày 21/02/2018.

Quá trình vay vốn, ông Th và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi. Khi đến hạn thanh toán nợ Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông bà cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện. Tạm tính đến ngày 13/5/2020 ông Th, bà T còn nợ hợp đồng ngày 24/4/2018 là 88.715.496 đồng (gồm nợ gốc 60.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.420.603 đồng, lãi quá hạn 24.294.893 đồng) và nợ hợp đồng ngày 27/7/2018 là 92.223.974 đồng (gồm nợ gốc 70.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.157.370 đồng, lãi quá hạn 17.066.604 đồng).

Ngân hàng yêu cầu ông Th, bà T phải trả toàn bộ số nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên và lãi phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 14/5/2020 đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông bà tiếp tục vi phạm, Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Th, bà T trình bày: Thừa nhận có vay Ngân hàng 02 lần với số tiền 130.000.000 đồng. Lần 01 vào ngày 24/4/2018 vay 60.000.000 đồng, cầm cố xe gắn máy biển số 65B2-042.11, Nhãn hiệu: YAMAHA, Số khung: C810HY043282, Số máy: E3X8E043286 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 069469 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công Th, bà T Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/11/2017. Lần 02 vào ngày 27/7/2018 vay 70.000.000 đồng, cầm cố xe gắn máy mang biển số 65B2-091.55, Nhãn hiệu: HONDA, Số khung: 2605GY318050, Số máy: KC26E1164332 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 078766 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công Th, bà T Thành phố Cần Thơ cấp ngày 21/02/2018. 02 xe gắn máy này hiện nay ông bà vẫn đang sử dụng. 02 lần vay ông bà đã trả được như sau:

Khoản vay 70.000.000 đồng trả được 26 kỳ (26 ngày), mỗi ngày 466.500 đồng với tổng số tiền 12.129.000 đồng; 02 lần trả riêng cho ông Sáng (cán bộ Ngân hàng) có Giấy theo dõi do ông Sáng viết vào ngày 30/8/2018 là 17.980.000 đồng và 5.000.000 đồng. 03 lần trả riêng cho ông Sáng, mỗi lần 10.000.000 đồng. Tổng cộng khoản vay này đã trả được 65.109.000 đồng, còn nợ lại 4.891.000 đồng.

Khoản vay 60.000.000 đồng trả được 01 kỳ (01 ngày) 400.000 đồng, còn nợ lại 59.600.000 đồng.

Ông bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ đối với Khoản vay 70.000.000 đồng là 4.891.000 đồng và Khoản vay 60.000.000 đồng là 59.600.000 đồng. Mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho 02 khoản vay nêu trên (Biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2020, Bút lục 104).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sáng trình bày: Lời trình bày của ông Th, bà T không đúng vì mỗi hợp đồng của Ngân hàng đều có kèm theo Sổ theo dõi thu tiền trả góp, khách hàng trả góp hằng ngày sẽ được cán bộ thu tiền ghi vào sổ và khách hàng giữ sổ này.

Đối với khoản vay 60.000.000 đồng của hợp đồng ngày 24/4/2018: Ông Th, bà T giao nộp cho Tòa án Sổ theo dõi thu tiền trả góp (Sổ lập ngày 24/4/2018, bút lục 106-111) thể hiện ông bà không góp gốc, lãi ngày nào. Số tiền vay vẫn còn nợ gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi trong thời hạn vay 180 ngày là 12.000.000 đồng, tổng cộng khoản vay 60.000.000 đồng trong thời hạn 180 ngày gốc và lãi là 72.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 70.000.000 đồng của hợp đồng ngày 27/7/2018: Ông Th, bà T giao nộp cho Tòa án Sổ theo dõi thu tiền trả góp (Sổ lập ngày 01/3/2018) và cho rằng của khoản vay này là của hợp đồng ngày 27/7/2018 (Bút lục 113-118) và trả góp gốc, lãi đến ngày thứ 51 là không đúng. Đây là Sổ theo dõi thu tiền trả góp của khoản vay 70.000.000 đồng của hợp đồng trước đó vào ngày 01/3/2021, hợp đồng ngày 01/3/2021 đã được ông bà tắt toán, sau đó ông bà ký mới Hợp đồng ngày 27/7/2018 cũng với số tiền 70.000.000 đồng. Số tiền của hợp đồng này đến nay không trả gốc, lãi.

Ngoài ra, bút ký của ông tại Bút lục 119 mà ông Th, bà T cung cấp cho Tòa án có thể hiện: *"2 sổ 40T lấy cùng ngày với sổ 60Tr", "Sổ 30T còn: 27.336.000 đồng"* là tiền vay riêng bên ngoài giữa ông Sáng với ông Th, bà T vì ngoài việc ông bà vay tiền Ngân hàng, còn có nhiều lần vay tiền riêng với ông.

Bút ký thể hiện 02 dòng *"anh Thành đã đưa tổng cộng 17.980.000 đồng"* và *"30/8 anh Thành đã đưa 5.000.000 đồng"* là tiền ông cho ông Th, bà T mượn 17.980.000 đồng để ông bà đáo hạn khoản vay 70.000.000 đồng của hợp đồng ngày 01/3/2018 trước đó. Việc ghi *"anh Thành đã đưa TC"* ý nghĩa là ông đã cho ông Th, bà T mượn số tiền trên, từ đó ông bà đưa (nghĩa là trả) cho Ngân hàng 17.980.000 đồng để ông bà đáo hạn khoản vay 70.000.000 đồng của hợp đồng ngày 01/3/2018. Tóm lại, số tiền 17.980.000 đồng là tiền ông đã cho ông Th, bà T mượn để trả nợ cho Hợp đồng ngày 01/3/2021, từ đó hợp đồng ngày 01/3/2018 mới được tắt toán, ông bà ký vay lại Hợp đồng mới số A568197/HĐTC-CC ngày 27/07/2018.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng ông Th, bà T trả cho những khoản vay riêng với ông. Việc cho vay riêng này cũng được ông bà xác nhận, thừa nhận tại Giấy cam kết (không ngày/tháng/năm) tại Bút lục 121.

Đối với những khoản vay riêng giữa ông với ông Th, bà T ông không yêu

cầu giải quyết trong vụ án này.

Giải thích cho việc vay riêng bên ngoài với ông Th, bà T: Ông Sáng cho rằng mình là cộng tác viên của Ngân hàng nên ngoài việc cho khách hàng vay tiền của Ngân hàng thì ông cũng có cho ông Th, bà T mượn tiền để trả gốc, lãi cho Ngân hàng mỗi khi ông Th, bà T không đóng gốc, lãi đúng hạn, tiền độ. Ông khẳng định, việc cho vay riêng, trả riêng này không liên quan đến 02 khoản vay của Ngân hàng. 02 hợp đồng ông Th, bà T đã ký với Ngân hàng độc lập với số tiền vay mượn riêng nên ông bà phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Để chứng minh cho lời trình bày này, ông Th, bà T đã tự viết các biên nhận, giấy tờ sau: Giấy cam kết (không ngày/tháng/năm) bút lục 120 đã thừa nhận còn nợ hợp đồng ngày 24/4/2018 khoản vay gốc 60.000.000 đồng, chưa góp ngày nào. Giấy cam kết (không ngày/tháng/năm) tại Bút lục 121 thể hiện ông bà xác nhận, thừa nhận vay tiền riêng với ông, không liên quan đến 02 hợp đồng vay Ngân hàng.

Do đó, Hợp đồng ngày 01/3/2018 khoản vay gốc 70.000.000 đồng đã trả được 51 ngày, còn lại 129 ngày với số tiền 60.114.000 đồng phù hợp với xác nhận tại Bút lục 119. Tuy nhiên, sau đó thì ông bà đã đáo hạn khoản vay này vào ngày 27/7/2018 với số tiền như trên, chưa trả được ngày nào. Như vậy, ông bà cho rằng đã trả được 65.109.000 đồng chính là trả cho hợp đồng ngày 01/3/2018, hợp đồng này đã được tắt toán. Còn hợp đồng ngày 27/7/2018 thì chưa trả.

Diễn biến tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đồng ý trừ 400.000 đồng vào nợ gốc 60.000.000 đồng của hợp đồng ngày 24/4/2018, hợp đồng ngày 27/7/2018 nợ gốc 70.000.000 đồng vẫn giữ nguyên yêu cầu. Cập nhật tổng tiền gốc, lãi tính đến ngày 08/12/2021 của 02 hợp đồng là 233.582.512 đồng, cụ thể từng hợp đồng như sau:

Hợp đồng ngày 24/4/2018 nợ gốc 59.600.000 đồng, lãi trong hạn 4.420.603 đồng, lãi quá hạn 45.388.044 đồng. Tổng cộng 109.408.647 đồng.

Hợp đồng ngày 27/7/2018 nợ gốc 70.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.157.370 đồng, lãi quá hạn 49.016.494 đồng. Tổng cộng 124.173.864 đồng.

Và lãi phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 09/12/2021 đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông bà tiếp tục vi phạm, Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Ông Th, bà T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự:

Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, Điều 93 đến Điều 97, 195, 196, 203 và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tuy nhiên vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị khắc phục. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa chứng minh được ông Th, bà T có thỏa thuận, ký 02 hợp đồng ngày 24/4/2018 và ngày 27/7/2018, thế chấp bảo đảm xe gắn máy biển số 65B2-042.11 và biển số 65B2-091.55. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa đã làm rõ, xác định được lời trình bày ông Th, bà T đã đóng gốc lãi cho khoản vay 70.000.000 đồng được 26 ngày với số tiền 65.109.000 đồng chính là số tiền của Hợp đồng ông bà đã vay vào ngày 01/3/2018 vì Sổ theo dõi thu tiền trả góp được Ngân hàng lập ngày 01/3/2018, hợp đồng này thì ông bà đã tắt toán với Ngân hàng. Như vậy số tiền vay 70.000.000 đồng của Hợp đồng ngày 27/7/2018 ông bà chưa trả gốc, lãi. Hơn nữa, các giấy tờ có bút ký của ông Sáng mà ông bà cung cấp không thể hiện ông bà đưa/trả cho hợp đồng vay 70.000.000 đồng ngày 27/7/2018 nên không có căn cứ xác định ông bà đã trả được 65.109.000 đồng cho hợp đồng vay ngày 27/7/2018 mà là số tiền ông bà có vay mượn riêng với ông Sáng. Tại Tòa, đại diện Ngân hàng đồng ý khấu trừ 400.000 đồng vào số tiền vay gốc 60.000.000 đồng của hợp đồng ngày 24/4/2018, xét đây là sự tự nguyện định đoạt của đương sự, không trái quy định nên chấp nhận. Từ các căn cứ trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng và ông Th, bà T phát sinh quan hệ vay tiền có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, Ngân hàng khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền về tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2] Ông Th, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt

nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

[3] Lời thừa nhận của ông bà về việc có vay 02 khoản vay 70.000.000 đồng và 60.000.000 đồng đồng thời có cầm cố tài sản bảo đảm nghĩa vụ là 02 xe gắn máy (biển số 65B2-042.11, Nhãn hiệu: YAMAHA, Số khung: C810HY043282, Số máy: E3X8E043286 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 069469 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/11/2017 và biển số 65B2-091.55, Nhãn hiệu: HONDA, Số khung: 2605GY318050, Số máy: KC26E1164332 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 078766 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Cần Thơ cấp ngày 21/02/2018) phù hợp với lời khai của đại diện Ngân hàng được xác định là chứng cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không cần phải chứng minh việc vay tiền của ông bà.

[4] Đối với khoản vay 60.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 24/4/2018 ông bà cho rằng đã đóng gốc, lãi được 01 ngày 400.000 đồng, tại phiên Tòa được đại diện Ngân hàng thống nhất khấu trừ thể hiện sự tự nguyện định đoạt, không trái quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên ghi nhận. Như vậy, hợp đồng này ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 59.600.000 đồng. Tính đến ngày 08/12/2021 tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn còn nợ lần lượt là 4.420.603 đồng và 45.388.044 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi ông bà phải trả cho hợp đồng ngày 24/4/2018 là 109.408.647 đồng.

[5] Xét lời trình bày ông bà đã trả gốc, lãi được 65.109.000 đồng cho khoản vay 70.000.000 đồng của hợp đồng ngày 27/7/2018, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/3/2018 ông bà ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 450720/HĐTD-CC (gọi tắt là hợp đồng ngày 01/3/2018) vay 70.000.000 đồng (Bút lục 176) và kèm theo là Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 01/3/2018 (Bút lục 174), Biên bản giao nhận kiêm Phiếu nhập xuất kho tài sản bảo đảm góp ngày ngày 01/3/2018 (Bút lục 175) đều có chữ ký của ông bà. Ngân hàng lập Sổ theo dõi thu tiền trả góp cùng ngày 01/3/2018 để ghi nhận quá trình trả gốc, lãi của ông bà đối với hợp đồng vay ngày 01/3/2018. Thực tế chứng minh được rằng Sổ theo dõi thu tiền trả góp mà ông bà cung cấp được lập ngày 01/3/2018 thể hiện thời hạn góp 180 ngày kể từ ngày 02/3/2018 đến ngày 28/8/2018 (Bút lục 113-118) phù hợp với số tiền vay 70.000.000 đồng của hợp đồng ngày 01/3/2018. Do đó, số tiền 65.109.000 đồng đã trả là trả cho hợp đồng ngày 01/3/2018, đã được tất toán (kết thúc) với Ngân hàng vào ngày 25/7/2018 (Được thể hiện tại Bảng kê thu khế ước tất toán trước hạn chi tiết ngày 25/7/2018 và Bảng kê khách hàng vay trả góp ngày tất toán nợ trước hạn ngày 25/7/2018) chứ

không phải trả cho hợp đồng ngày 27/7/2018. Hơn nữa, những lần ông bà cho rằng đã đưa/trả tiền cho ông Sáng có các bút ký thể hiện chữ viết, chữ ký của ông đều không thể hiện ông bà trả cho khoản vay 70.000.000 đồng của hợp đồng ngày 27/8/2021. Do đó, có căn cứ xác định số tiền vay 70.000.000 đồng của hợp đồng ngày 27/7/2018 đã được ông bà ký nhận (thể hiện tại Giấy lĩnh tiền mặt ngày 27/7/2018, bút lục 173) vẫn chưa được trả gốc, lãi. Do đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay được quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên ông bà phải có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 08/12/2021 là 124.173.864 đồng (Trong đó: Nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.157.370 đồng, nợ lãi quá hạn 49.016.494 đồng).

[6] Ngoài việc phải trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền của 02 hợp đồng tín dụng 233.582.511 đồng (tính đến ngày 08/12/2021), ông Th, bà T còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng ngày 24/4/2018 và hợp đồng ngày 27/7/2018 kể từ ngày 09/12/2021 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông bà tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền thu hồi, phát mãi tài sản cầm cố xe gắn máy biển số 65B2-042.11, Nhãn hiệu: YAMAHA, Số khung: C810HY043282, Số máy: E3X8E043286 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 069469 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/11/2017 và xem gắn máy biển số 65B2-091.55, Nhãn hiệu: HONDA, Số khung: 2605GY318050, Số máy: KC26E1164332 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 078766 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Cần Thơ cấp ngày 21/02/2018 để thu hồi nợ.

[7] Về số tiền của những lần ông Sáng cho vay, ông Th, bà T trả nợ vay mà ông Sáng trình bày vay riêng bên ngoài, hoàn toàn độc lập và không liên quan đến 02 hợp đồng ngày 24/4/2018 và 27/7/2018 do ông không có yêu cầu xem xét trong vụ án này nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận, căn cứ quy định tại Điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông Th, bà T phải chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản cầm cố. Chi phí này Ngân hàng đã tạm ứng, thực hiện xong nên ông Th, bà T phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng. Ngoài ra, ông Th, bà T còn phải chịu 11.704.000 đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.524.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/006202 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 5 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 95, điểm a Khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL.

Buộc ông Lâm Ngọc Th và bà Lê Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền gốc, lãi còn nợ tính đến ngày 08/12/2021 là 233.582.511 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A490426/HĐTD-CC ngày 24/04/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A568197/HĐTC-CC ngày 27/07/2018 kể từ ngày 09/12/2021 đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Lâm Ngọc Th, bà Lê Thị Bích T tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền thu hồi, phát mãi tài sản cầm cố xe gắn máy biển số 65B2-042.11, Nhãn hiệu: YAMAHA, Số khung: C810HY043282, Số máy: E3X8E043286 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 069469 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/11/2017 và xem gắn máy biển số 65B2-091.55, Nhãn hiệu: HONDA, Số khung: 2605GY318050, Số máy: KC26E1164332 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 078766 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Cần Thơ cấp ngày 21/02/2018 để thu hồi nợ.

Ông Lâm Ngọc Th, bà Lê Thị Bích T hoàn trả cho Ngân hàng TMCP KL 1.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định đối với tài sản cầm cố.

Ông Lâm Ngọc Th, bà Lê Thị Bích T phải chịu 11.704.000 đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.524.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/006202 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án, quyết định được giao cho họ hoặc bản án, quyết định được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS Q. Cái Răng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn